

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: **06/2020/DS-PT**

Ngày 12- 02- 2020

V/v tranh chấp “Yêu cầu tuyên bố
hợp đồng chuyển nhượng quyền sử
dụng đất vô hiệu”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hà.

Các Thẩm phán: Ông Cao Minh Lễ
Ông Đào Chí Keo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Phạm Trường San- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 138/2019/TLPT-DS ngày 15 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 45/2019/DS- ST ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 134/2019/QĐPT- DS ngày 15 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Th (Lệ Th), sinh năm 1963 (Có mặt).

Nơi cư trú: Số 150, tổ 6, đường NCN, khóm LT B, phường LH, thị xã TC, tỉnh AG.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Huỳnh Phú M, sinh năm 1965 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ 6, hẻm ĐT, khóm LT A, phường L H, thị xã TC, tỉnh AG.

2.2. Bà Lầu Thị D, sinh năm 1983 (Có mặt).

Nơi cư trú: Số 268, khóm LT D, phường LT, thị xã TC, tỉnh AG.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Huỳnh Phú V, sinh năm 1988 (Có mặt).

Nơi cư trú: Số 150, tổ 6, đường NCN, khóm LT B, phường LH, thị xã TC, tỉnh AG.

3.2. Văn phòng công chứng Nguyễn Công Trứ, có trụ sở tại số 552, đường Thủ Khoa Huân, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của Văn phòng công chứng Nguyễn Công Trứ: Ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1980, nơi cư trú: Khóm 3, phường CP A, thành phố CD, tỉnh AG là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 24/7/2019 (Có mặt).

4. Người kháng cáo: Văn phòng công chứng Nguyễn Công Trứ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Th (Lệ Th) trình bày:

Bà và ông Huỳnh Phú M là vợ chồng kết hôn năm 1985 và đã ly hôn theo Quyết định số 120/2015/QĐST-HNGĐ ngày 25/4/2015 Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu nhưng tài sản là nhà và quyền sử dụng đất chưa chia. Sau khi ly hôn chúng tôi vẫn còn ở chung một nhà và đất là tài sản của cha mẹ chồng để lại có di chúc. Năm 2016 gia đình bà được UBND thị xã Tân Châu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01721 ngày 12/12/2016 cho hộ ông M, trong hộ ông M khi đó có 03 nhân khẩu là bà, ông M và con là anh Huỳnh Phú V. Ngày 28/8/2017 ông M lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và căn nhà là tài sản gắn liền với đất cho chị Lâu Thị D với giá 680.000.000đ. Nay bà yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà số 1756 ngày 28/8/2017 giữa ông M và chị D là vô hiệu toàn bộ với lý do bà với anh V không ký tên trong hợp đồng chuyển nhượng.

Bị đơn là bà Lâu Thị D trình bày:

Bà có đồng ý nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và căn nhà gắn liền với đất theo Hợp đồng chuyển nhượng nhà số 1756 ngày 28/8/2017 có chứng nhận của Văn phòng công chứng Nguyễn Công Trứ, vì khi đó ông M đã đưa ra quyết định ly hôn giữa ông M với bà Th, quyết định ly hôn đã phân chia tài sản. Nay bà Th cho rằng quyền sử dụng đất của ông M đứng tên là Nhà nước cấp cho hộ trong đó có bà Th và anh V cùng hộ với ông M, do bà Th và anh V không có ký tên trong hợp đồng chuyển nhượng, vì vậy bà đồng ý Tòa án tuyên bố hợp đồng giữa bà với ông M vô hiệu. Đề nghị Tòa án đưa Văn phòng công chứng Nguyễn Công Trứ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Bà yêu cầu ông M và Văn phòng công chứng Nguyễn Công Trứ phải liên đới trả lại cho bà số tiền 680.000.000đ và bồi thường hợp đồng bị thiệt hại tính theo lãi suất do pháp luật quy định 20%/năm tính từ ngày 28/8/2017 đến nay. Trong đó, Văn phòng công chứng Nguyễn Công Trứ liên đới với ông M trả 252.000.000đ và lãi suất từ ngày ký đến nay, phần còn lại ông M phải trả cho bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà D rút yêu cầu Văn phòng công chứng Nguyễn Công Trứ phải liên đới với ông M trả cho bà số tiền 252.000.000đ và bồi thường thiệt hại. Bà trực tiếp giao số tiền 680.000.000đ cho ông M nên bà yêu cầu ông M trả lại cho bà và bồi thường thiệt hại.

Bị đơn là ông Huỳnh Phú M không cung cấp lời khai và chứng cứ cho Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Huỳnh Phú V trình bày: Anh thống nhất theo lời trình bày của bà Th, anh yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà số 1756 ngày 28/8/2017 giữa ông M và bà D là vô hiệu toàn bộ với lý do anh và bà Th là người trong hộ không ký tên trên hợp đồng chuyển nhượng.

Văn phòng công chứng Nguyễn Công Trứ ủy quyền cho ông Nguyễn Ngọc C trình bày: Vào ngày 25/8/2017, Văn phòng công chứng Nguyễn Công Trứ có nhận yêu cầu công chứng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông M với bà D. Sau khi kiểm tra, đối chiếu hồ sơ Văn phòng công chứng xét thấy trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi nhận người sử dụng đất là “hộ ông Huỳnh Phú M” nên yêu cầu ông M xác định tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ của ông M có bao nhiêu người cùng sống chung và cùng có công đóng góp, tạo lập nên quyền sử dụng đất này. Ông M khẳng định, kể từ khi ly hôn năm 2015 ông và vợ là bà Th và con là anh V không còn sống chung với nhau, quyền sử dụng đất nêu trên là tài sản của cha mẹ ông cho riêng ông, không liên quan đến vợ con ông. Điều này, thể hiện trong Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 120/2015/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Đồng thời, ông M còn cung cấp Bản án số 250/2013/HNGĐ-ST ngày 27/9/2013 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Như vậy, tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông M thì hôn nhân giữa ông M với bà Th đã chấm dứt, bà Th không còn là thành viên của hộ gia đình ông M và anh V cũng không có công đóng góp tạo lập tài sản này. Văn phòng công chứng Nguyễn Công Trứ không đồng ý cùng ông M trả cho bà D số tiền 252.000.000đ và bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của bà D.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 45/2019/DS - ST ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Th và anh Huỳnh Phú V. Chấp nhận yêu cầu của bà Lâu Thị D.

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 1756 ngày 28/8/2017 giữa Huỳnh Phú M và Lâu Thị D là vô hiệu toàn bộ.

Buộc ông Huỳnh Phú M có trách nhiệm liên đới với Văn phòng công chứng Nguyễn Công Trứ do ông Nguyễn Công Trứ đại diện theo pháp luật trả cho bà Lâu Thị D là 335.664.000đ tiền chuyển nhượng và thiệt hại hợp đồng.

Buộc ông Huỳnh Phú M phải có trách nhiệm trả lại cho bà Lâu Thị D 562.096.000đ tiền chuyển nhượng và thiệt hại hợp đồng.

Buộc ông Huỳnh Phú M phải trả cho bà Lầu Thị D tiền lệ phí trưng cầu giám định là 4.050.000đ.

Công nhận bà Huỳnh Thị Th tự nguyện chịu 700.000đ tiền chi phí thẩm định.

Về án phí DSST:

Ông Huỳnh Phú M và Văn phòng công chứng Nguyễn Công Trứ liên đới chịu 16.783.000đ, riêng ông Huỳnh Phú M phải chịu 21.120.000đ.

Bà Huỳnh Thị Th, bà Lầu Thị D và anh Huỳnh Phú V không phải chịu tiền án phí. Hoàn lại cho bà Huỳnh Thị Th 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0001536 ngày 29/12/2017, hoàn lại cho bà Lầu Thị D 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0001346 ngày 28/5/2018, hoàn lại cho anh Huỳnh Phú V 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0004614 ngày 02/5/2018 đều của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31 tháng 5 năm 2019 Văn phòng công chứng Nguyễn Công Trứ nộp Đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2019/DS-ST ngày 24/4/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo của chúng tôi, cụ thể: Văn phòng công chứng Nguyễn Công Trứ không có trách nhiệm liên đới cùng ông M trả cho chị D số tiền 335.664.000đ và không có trách nhiệm liên đới với ông M chịu 16.783.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự khác trong vụ án không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa và phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần HĐXX, thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, phúc xử: Đình chỉ phần rút yêu cầu của bà Lầu Thị D đối với Văn phòng công chứng Nguyễn Công Trứ. Chấp nhận Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Công Trứ; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2019/DS-ST ngày 24/4/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu. Buộc ông M có trách nhiệm hoàn trả cho bà D số tiền 680.000.000đ và bồi thường thiệt hại số tiền 173.448.000đ. Tổng cộng: 853.448.000đ. Ông M phải nộp 37.603.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Văn phòng công chứng Nguyễn Công Trứ không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Văn phòng công chứng Nguyễn Công Trứ nộp Đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên đủ cơ sở pháp lý để xem xét yêu cầu kháng cáo của Văn phòng công chứng Nguyễn Công Trứ theo trình tự phúc thẩm.

Ông Huỳnh Phú M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông M.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Th giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn là bà Lâu Thị D giữ nguyên yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Huỳnh Phú V giữ nguyên yêu cầu độc lập và Văn phòng công chứng Nguyễn Công Trứ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo để kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2019/DS - ST ngày 24/4/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu đề nghị cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo của chúng tôi, cụ thể: Văn phòng công chứng Nguyễn Công Trứ không có trách nhiệm liên đới cùng ông M trả cho bà D số tiền 335.664.000đ và không có trách nhiệm liên đới với ông M chịu 16.783.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Về nội dung vụ án: Bà Th và ông M là vợ chồng kết hôn vào năm 1985 và đã ly hôn theo Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự số 120/2015/QĐST - HNGĐ ngày 25/4/2015 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu nhưng về nhà và đất không đề cập. Về nguồn gốc nhà và đất đang tranh chấp, ngày 25/10/1988 cha mẹ của ông M ký kết Tờ chúc ngôn để lại cho ông M và bà Th căn nhà gắn liền với đất. Đất đã được UBND thị xã Tân Châu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01721 ngày 12/12/2016 cho hộ ông M. Ngày 28/8/2017 ông M và bà D cùng ký kết Hợp đồng mua bán nhà gắn liền với đất (Không có công chứng hoặc chứng thực) và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 25/8/2017 (có chứng nhận của Văn phòng công chứng Nguyễn Công Trứ) số 1756 ngày 28/8/2017 thỏa thuận hộ ông M chuyển nhượng cho bà D phần đất diện tích 63m², thửa đất số 472, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại phường Long Hưng, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang trị giá 252.000.000đ nhưng giá thực tế là 680.000.000đ. Sau khi ông M giao nhà cho bà D thì bà Th, anh V ngăn cản và khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/8/2017 giữa ông M và bà D vô hiệu toàn bộ, vì bà Th và anh V là thành viên trong hộ nhưng không ký tên trong hợp đồng chuyển nhượng.

Xét thấy, tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01721 ngày 12/12/2016 cho hộ ông M thì hộ khẩu gia đình có ông M, bà Th, anh V và tại Biên bản xác minh ngày 30/11/2018 do Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu lập được Công an thị xã Tân Châu cho biết từ tháng 9/2009 đến tháng 12/2016 hộ gia đình ông M gồm ông M, bà Th, anh V. Ông M cung cấp hộ khẩu chỉ có ông M đứng tên trong hộ để ký kết Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 1756 ngày 28/8/2017 với bà D mà không có sự đồng ý bằng văn bản của bà Th và anh V là chưa đúng theo quy định của pháp luật. Tại khoản 1 Điều 7 của Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 1756 ngày 28/8/2017 ông

M đã cam kết “những thông tin về nhân thân, về thửa đất đã ghi trong hợp đồng này là đúng sự thật, thửa đất không có tranh chấp”. Do đó, ông M là người có lỗi làm cho Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/8/2017 vô hiệu theo quy định tại Điều 122 và Điều 131 của Bộ luật dân sự năm 2015. Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên phải khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Như vậy, ông M là người nhận số tiền 680.000.000đ của bà D nên ông M phải có nghĩa vụ trả lại cho bà D.

[4] Về bồi thường thiệt hại, bà D yêu cầu ông M và Văn phòng công chứng Nguyễn Công Trứ phải trả lãi đối với số tiền 680.000.000đ theo mức lãi suất 20%/năm tính từ ngày 28/8/2017 đến ngày xét xử và đã được Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để buộc ông M và Văn phòng công chứng Nguyễn Công Trứ cùng trả lãi cho bà D số tiền 83.664.000đ, ông M trả lãi cho bà D số tiền 142.096.000đ là chưa chính xác. Căn cứ vào điểm c khoản 2.3 mục 2 phần II Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì trường hợp tranh chấp về hợp đồng, Tòa án phải tiến hành định giá giá trị quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để xác định thiệt hại. Tại Chứng thư thẩm định giá số 379 BDS/2019/CT.ĐA ngày 09/10/2019 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đông Á thể hiện nhà và đất có giá trị 853.448.000đ. Như vậy, số tiền 853.448.000đ được trừ số tiền 680.000.000đ hai bên thỏa thuận giao dịch nên còn số tiền 173.448.000đ sẽ được xem xét để bồi thường thiệt hại. Do ông M là người có lỗi làm cho hợp đồng vô hiệu nên ông M phải bồi thường thiệt hại cho bà D số tiền 173.448.000đ. Yêu cầu kháng cáo của Văn phòng công chứng Nguyễn Công Trứ là có cơ sở nên được chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà D rút yêu cầu Văn phòng công chứng Nguyễn Công Trứ phải liên đới với ông M trả số tiền 252.000.000đ và bồi thường thiệt hại. Việc rút một phần yêu cầu phản tố của bà D là hoàn toàn tự nguyện nên cần đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của bà D.

Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị nên được giữ nguyên.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Văn phòng công chứng Nguyễn Công Trứ. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2019/DS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu như đã nhận định trên và đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tại phiên tòa.

[5] Về chi phí tố tụng: Bà D tự nguyện nộp 2.000.000đ chi phí định giá, thẩm định tại chỗ được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp.

[6] Về án phí: Yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên Văn phòng công chứng Nguyễn Công Trứ không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Văn phòng công chứng Nguyễn Công Trứ được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông M phải nộp 37.603.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Th, bà D, anh V mỗi người được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 122, Điều 131 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của bà Lầu Thị D về việc yêu cầu Văn phòng công chứng Nguyễn Công Trứ cùng phải có nghĩa vụ liên đới với ông Huỳnh Phú M trả cho bà Lầu Thị D số tiền 252.000.000đ và bồi thường thiệt hại.

3. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Văn phòng công chứng Nguyễn Công Trứ. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2019/DS - ST ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

4. Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có chứng nhận của Văn phòng công chứng Nguyễn Công Trứ số 1756 ngày 28/8/2017 giữa ông Huỳnh Phú M và bà Lầu Thị D vô hiệu.

5. Buộc ông Huỳnh Phú M phải có nghĩa vụ trả cho bà Lầu Thị D số tiền 680.000.000đ và bồi thường thiệt hại số tiền 173.448.000đ. Tổng cộng: 853.448.000đ (Tám trăm năm mươi ba triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

6. Về chi phí tố tụng:

6.1 Ông Huỳnh Phú M phải trả cho bà Lầu Thị D số tiền 4.050.000đ (Bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) chi phí giám định.

6.2 Bà Huỳnh Thị Th tự nguyện nộp 700.000đ chi phí thẩm định tại chỗ được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp.

6.3 Bà Lầu Thị D tự nguyện nộp 2.000.000đ chi phí định giá, thẩm định tại chỗ được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp.

7. Về án phí:

7.1 Ông Huỳnh Phú M phải nộp 37.603.000đ (Ba mươi bảy triệu sáu trăm lẻ ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

7.2 Bà Huỳnh Thị Th được nhận lại 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001536 ngày 29/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

7.3 Bà Lầu Thị D được nhận lại 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001346 ngày 28/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

7.4 Anh Huỳnh Phú V được nhận lại 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004614 ngày 02/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

7.5 Văn phòng công chứng Nguyễn Công Trứ được nhận lại 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001947 ngày 31/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS TX.Tân Châu;
- TAND. TX.Tân Châu;
- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thúy Hà